

Điều 4.2.1 – Quy tắc GTIN (*GTIN rules*)

Xóa các quy tắc về:

- Việc cấp và trách nhiệm cho vật phẩm có nhãn hiệu (Allocation and responsibility for branded items);
- Việc cấp và ngoại lệ trách nhiệm và vật phẩm không nhãn hiệu (Allocation and responsibility exceptions and non-branded items);
- Các quy tắc cấp mã GTIN (GTIN Allocation Rules)

Điều 4.3.1 – Quản lý tính đơn nhất (*Management of uniqueness*)

Sửa nội dung:

Mã GTIN phải được cấp đơn nhất, các mã GTIN KHÔNG ĐƯỢC chứa bất kỳ chuỗi (string) thông minh hay có thể phân tích nào. Việc gán kèm các mã nội bộ là không khuyến khích bởi vì thông thường các quy tắc thay đổi chúng khác với các quy tắc thay đổi GTIN.

Đối với một số kiểu sản phẩm (ví dụ vật phẩm chăm sóc sức khỏe), thông thường theo quy định quốc gia yêu cầu nộp đơn đăng ký sản phẩm từ một bên nào đó dựa trên thẩm quyền của cơ quan quản lý. Điều đó không ảnh hưởng trực tiếp tới việc Quản lý mã GTIN nhưng cần có trong các thỏa thuận hợp đồng thông thường (ví dụ: bên phân phối được cấp phép, chi nhánh, bán lẻ).

Điều 4.3.2 – Việc cấp mã số (*Allocating the numbers*)

Xóa tiêu đề 4,3,1,1 và sửa nội dung từ đoạn 2 thành:

Thông tin chi tiết về việc khi nào thì thay đổi GTIN được nêu trong tiêu chuẩn về Quản lý mã GTIN được thiết kế để trợ giúp ngành công nghiệp đưa ra các quyết định nhất quán về số phân định đơn nhất thương phẩm trong các chuỗi cung ứng mở. Tiêu chuẩn Quản lý mã GTIN xác định khi nào thì cần thay đổi GTIN tại mức thương phẩm tiêu dùng bán lẻ (đơn vị cơ bản) cũng như trên các thương phẩm mức cao hơn (ví dụ thùng, pallet) đang tồn tại hiện thời và được sử dụng trong các quá trình phân phối.

Tiêu chuẩn về Quản lý mã GTIN cũng như các quy tắc chuẩn cụ thể được áp dụng cho đầu chuỗi, thức ăn tươi sống và chăm sóc sức khỏe có thể tìm thấy tại <http://www.gs1.org/1/gtinrules/en/overview>.

Các quy định địa phương, quốc gia hay khu vực có thể đòi hỏi nhiều thay đổi GTIN liên tục. Những quy định như vậy được ưu tiên trước các quy tắc trong tiêu chuẩn về Quản lý GTIN

Điều 4.3.2.1 – Định nghĩa việc cấp GTIN (*GTIN allocation definitions*)

Sửa nội dung:

Các thuật ngữ sau có thể là hữu ích khi xem xét các Quy tắc Cấp mã GTIN được công bố tại <http://www.gs1.org/1/gtinrules>:

- **Thương phẩm** (trade item) – Bất kỳ vật phẩm (sản phẩm hay dịch vụ) theo đó cần lấy thông tin định trước và có thể được định giá, đặt hàng hoặc lập hóa đơn tại bất kỳ điểm nào trong chuỗi cung ứng.
- **Thương phẩm tiêu dùng bán lẻ** (Retail consumer trade item) – Thương phẩm dùng để bán đến người tiêu dùng cuối cùng tại điểm bán hàng lẻ. Chúng được phân định với một số GTIN-13, GTIN-12 hoặc GTIN-8 đơn nhất (Xem Điều 2).
- **Nhóm thương phẩm** (Trade item grouping) – Việc nhóm các thương phẩm tiêu dùng bán lẻ là không dành cho việc quét tại điểm bán hàng. Nó được phân định với một số GTIN-14, GTIN-13, hay GTIN-12 đơn nhất.
- **Bao gói không GTIN** (Non-GTIN pack) – một cấp bao gói thương phẩm tại đó không có bên giao dịch nào yêu cầu sự phân định của GTIN. Nếu cần GTIN thì vật phẩm này sẽ trở thành một thương phẩm tiêu dùng bán lẻ hoặc nhóm thương phẩm.
- **đơn vị logistic** (logistic unit) – Một vật phẩm là bất kỳ tổ hợp nào được thiết lập cho vận chuyển và/hoặc lưu trữ cần được quản lý suốt chuỗi cung ứng. Nó được phân định bằng mã SSCC.

CHÚ THÍCH: Các quy tắc này nhằm để sử dụng trên toàn cầu. Các ngoại lệ có thể chỉ xảy ra khi có quy định nội bộ hoặc yêu cầu luật pháp bắt buộc khác.

Điều 4.3.2.2 – Các đặc điểm định trước (*Predefined characteristics*)

Sửa nội dung:

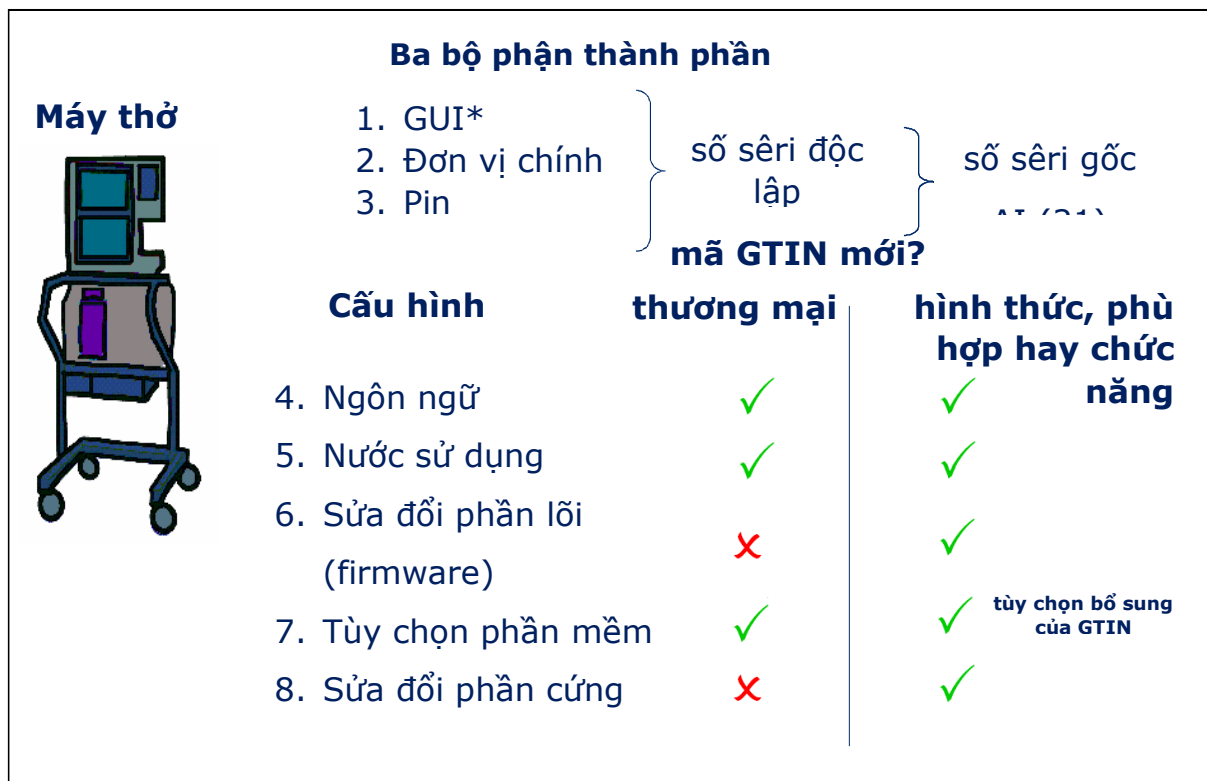
Mặc dù danh sách này không đầy đủ, các đặc điểm định trước cơ bản cho một thương phẩm bao gồm:

- Thương hiệu chính hay cũng có thể được định nghĩa bởi quy định: tên sản phẩm, mô tả sản phẩm;
- Kiểu và các biến thể của thương phẩm;
- Nội dung đóng gói thương phẩm (trọng lượng, thể tích hay kích thước khác ảnh hưởng tới hoạt động thương mại);
- Nếu thương phẩm là một nhóm, số lượng vật phẩm có trong đó và phân chia chúng trong các đơn vị đóng gói nhỏ.

Việc thay đổi bất kỳ phần tử cơ bản nào đặc trưng cho thương phẩm sẽ thường dẫn đến việc thay đổi mã GTIN.

CHÚ THÍCH: Các quy tắc này được nhằm để sử dụng trên toàn cầu. Các ngoại lệ có thể chỉ xảy ra khi có quy định nội bộ hoặc yêu cầu luật pháp bắt buộc khác. Ví dụ, trong một số ngành công nghiệp như chăm sóc sức khỏe, các quy định hay yêu cầu khác có thể chỉ thị rằng mọi thay đổi thương phẩm đều đòi hỏi một GTIN mới. **CHÚ THÍCH:** Đối với các sản phẩm phức tạp chẳng hạn như một số thiết bị y tế, sự xem xét chính đối với việc Cấp GTIN là việc thương mại hóa sản phẩm (ví dụ: sự khác biệt ở khâu báo giá, đặt hàng hay lập hóa đơn). Nếu sản phẩm là “khác” thì đòi hỏi “mã GTIN khác”. Hình bên dưới minh họa một tình huống thể hiện sự khó khăn khi xác định xem khi nào cần thay đổi GTIN cho các thiết bị y tế phức tạp, phụ thuộc vào cách thức thiết bị được xem xét (tức là từ quan điểm về thương mại và/hoặc hình thức, tính đầy đủ, chức năng). Về danh nghĩa, các khía cạnh thương mại của vật phẩm sẽ xác định sự thay đổi GTIN, mục đích là để nhận ra rằng các tác nhân quan trọng khác bên cạnh không nhất thiết phải biểu hiện một thay đổi thương mại, nhưng sẽ tác động đến việc ấn định GTIN – đặc biệt trong ngành chăm sóc sức khỏe. Trách nhiệm của chủ sở hữu nhãn hiệu là quản lý một cách hợp lý cấu hình của bất kỳ thiết bị phức tạp nào và việc ấn định (các) mã GTIN thích hợp với nó. Ví dụ cho biết các bộ phận phần cứng chính được quản lý bằng các tổ hợp GTIN và số sêri, cho thấy rằng bên trong thiết bị y tế phức tạp này còn có các tham số tiềm tàng mà sự thay đổi cấu hình phải được quản lý: thay đổi GTIN phải được tuân thủ dựa theo quy trình quản lý sự thay đổi của nhà sản xuất. Chủ sở hữu nhãn hiệu quyết định yêu cầu phân định.

Hình 2.6.8.1.2-1/ Ví dụ về độ phức tạp của sản phẩm thiết bị y tế liên quan đến việc ấn định mã GTIN



*GUI: giao diện sử dụng đồ họa

Điều 4.3.2.3 – Các biến thể thương phẩm phụ cho nhóm thương phẩm (*Minor trade item Variants for trade item groupings*)

Xóa nội dung cũ và sửa thành:

Đối với nhóm thương phẩm có chứa các đơn vị mà bản thân chúng là các biến thể thương phẩm phụ của các thương phẩm mà mã GTIN được duy trì không thay đổi, quy tắc này như sau:

Nếu số phân định của các biến thể thương phẩm phụ chỉ liên quan đến nhà sản xuất, họ PHẢI phân biệt với các biến thể này bằng cách sử dụng chuỗi (string) phần tử biến thể sản phẩm (AI 20). Ví dụ bao gồm các thay đổi thiết kế đóng gói phụ và tải trọng bên lề ngược với các trường hợp tải trọng trên cùng.

Điều 4.3.3 – Trách nhiệm đối với việc ấn định mã GTIN (*Responsibility for allocating the Global Trade Item*)

Số phân điều mới thay cho Điều 4.3.2 cũ:

Bỏ từ "ấn định" (allocation) tại tiêu đề Điều 4.3.3.1 và Điều 4.3.3.2:

Điều 4.3.4 – Các quy tắc ấn định GTIN bổ sung (*Additional GTIN Allocation Rules*)

Điều 4.3.4.1 – Các quy tắc ấn định GTIN cho chăm sóc sức khỏe
(*GTIN allocation rules for healthcare*)

sửa đổi:

Các quy tắc cụ thể áp dụng cho thương phẩm chăm sóc sức khỏe có thể tìm thấy trong ấn phẩm *Các Quy tắc Ấn định GTIN Chăm sóc sức khỏe* có thể tải về tại

<http://www.gs1.org/1/gtinrules/index.php/p=static/t=healthcare>

Điều 4.3.4.2 – Các quy tắc ấn định GTIN cho các bên cung cấp đầu chuỗi (*GTIN allocation rules for upstream suppliers*)

sửa đổi:

Các quy tắc được áp dụng cho việc đóng gói và các thương phẩm nguyên liệu thô được cung cấp đến các công ty sản xuất có thể tìm thấy tại <http://www.gs1.org/gtinrules/index.php/tid=29>.

Bên cung cấp đầu chuỗi là các công ty thường cung cấp hay sản xuất thương phẩm sẽ được cung cấp đến các công ty khác cho các quy trình sản xuất tiếp tục. Ví dụ các thương phẩm này bao gồm các thành phần thô và nguyên liệu đóng gói.

Mã GTIN phải được ấn định đến từng thương phẩm đã định trước và bất kỳ đơn vị đo nào đã sử dụng trong quy trình định giá, đặt hàng hay lập hóa đơn.

CHÚ THÍCH: các quy tắc này được nhằm để sử dụng trên toàn cầu. Các ngoại lệ có thể chỉ xảy ra khi có quy định nội bộ hoặc yêu cầu luật pháp bắt buộc khác.

Điều 4.3.4.3 – Xem xét việc ấn định GTIN cho Ngành may mặc và Thời trang mặc nhà (*GTIN allocation considerations for Apparel and Home Fashion*)

sửa đổi:

Nhóm Công tác Buôn bán Chung GSMP đã đánh giá các quy tắc ấn định GTIN đang có và kết luận rằng chúng có thể áp dụng cho ngành may mặc và thời trang mặc nhà. Nội dung của phần này mở rộng nội dung của Điều 4.3.2.6.1 để bao trùm các viễn cảnh cụ thể cho ngành may mặc và thời trang mặc nhà và có thể khác biệt ở lĩnh vực khác. Phần này là kết quả của việc xem xét Hướng dẫn Phân định thương phẩm và truyền thông (VICS EDI) TIIC, 05/2001 bởi Nhóm Công tác GSMP.

Điều 4.3.4.3.1 – Gói sẵn/gói đa kiện/gói theo bộ cho ngành may mặc và thời trang mặc nhà (*Pre-pack/multi-pack/set-pack for Apparel and Home Fashion*)

sửa đổi:

Đối với kiện hàng gói sẵn hoặc phân loại thương phẩm, từng vật phẩm khác nhau bên trong kiện hàng gói sẵn sẽ được gán một mã GTIN duy trì mối quan hệ 1-1 giữa thương phẩm/số ID màu sắc/số ID kích cỡ và mã GTIN. Mỗi GTIN phải được gán sao cho có thể tạo thuận lợi cho việc quét tại điểm bán hàng. Từng kiện hàng gói sẵn có thể đặt hàng sẽ được gán cho một GTIN riêng biệt, đơn nhất. Mã GTIN này không nhằm để quét tại điểm bán lẻ. Các kiện thương phẩm gói sẵn khác nhau được gán các mã GTIN khác nhau khi một vật phẩm thành phần hay định lượng nội dung của kiện hàng gói trước là khác nhau.

Gói đa kiện là một nhóm các thương phẩm (giống hoặc khác nhau) dành để bán như một đơn vị tiêu dùng đơn lẻ tại điểm bán hàng (ví dụ gói ba chiếc áo thun trắng của nam hoặc gói 12 bộ dụng cụ thủy tinh). Một gói đa kiện không nhằm để chia nhỏ và bán như thương phẩm đơn lẻ. Một gói đa kiện được gán một mã GTIN khác với mã GTIN đã gán cho các thương phẩm đơn lẻ trong gói. Thông thường, các phần hợp thành nên gói đa kiện không được gán mã GTIN đơn lẻ. Từng gói đa kiện khác nhau của cùng thương phẩm (ví dụ gói ba đôi tất với gói sáu đôi tất) phải được gán một mã GTIN khác

nhau. Từng mã GTIN cho gói đa kiện khác nhau cũng phải có số ID riêng về kích cỡ/ màu sắc/thương phẩm.

Đối với gói theo bộ, từng thương phẩm khác nhau bên trong gói theo bộ sẽ được gán một mã GTIN, duy trì mối quan hệ 1-1 giữa thương phẩm/số ID màu sắc/ID kích cỡ và mã GTIN. Một mã GTIN thương phẩm riêng phải được gán để tạo thuận lợi cho việc quét tại điểm bán lẻ và có thể hoặc không thể đặt hàng riêng bên ngoài gói theo bộ. Một mã GTIN riêng biệt, đơn nhất sẽ được gán cho từng gói theo bộ. Các gói theo bộ khác nhau sẽ được gán các mã GTIN khác nhau khi thương phẩm hay định lượng nội dung khác nhau. Hình bên dưới cung cấp tóm tắt các yêu cầu này.

Hình 4.3.4.3.1-1. các yêu cầu theo kiểu bao gói

Gói				vật phẩm riêng trong gói		
	có thể đặt hàng bởi bên bán lẻ	Có thể bán cho khách hàng	mã GTIN được gán	Có thể đặt hàng bởi bên bán lẻ	Có thể bán cho khách hàng	mã GTIN được gán
Gói sẵn	Có	Không	Có	Có thể	Có	Có
Gói đa kiện	Có	Có	Có	Không	Không	Không
Gói theo bộ	Có	Có	Có	Có thể	Có	Có

CHÚ THÍCH: mã GTIN cho các thương phẩm riêng trong gói đa kiện là tùy chọn.

CHÚ THÍCH: mã GTIN trong gói theo bộ được yêu cầu bởi vì các phần riêng là có thể bán lẻ cho khách hàng.

CHÚ THÍCH: các thành phần riêng của gói sẵn và gói theo bộ có thể được đặt hàng riêng theo thỏa thuận mối quan hệ cụ thể.

Điều 4.3.4.3.2 – Quà tặng khi mua/mua cùng/vật phẩm tiếp thị cho Ngành may mặc hoặc thời trang mặc nhà (*Gift with purchase/purchase with purchase/collateral item for Apparel and Home Fashion*)

sửa đổi:

quà tặng khi mua là một thương phẩm đưa cho khách hàng như là một phần của sự kiện quảng cáo, phụ thuộc vào người tiêu dùng mua một hay nhiều mặt hàng khác. quà tặng khi mua được coi như hàng tồn kho và không có giá trị bán lẻ.

Mua cùng là một thương phẩm được bán cho khách hàng với một giá đặc biệt như là một phần của sự kiện quảng cáo, phụ thuộc vào người tiêu dùng mua một hay nhiều mặt hàng khác. Hàng mua cùng được xem là hàng tồn kho và có giá trị bán lẻ. Khi gán và truy xuất các mã GTIN cho quà tặng khi mua và mua cùng thương phẩm, các mã GTIN PHẢI được ấn định cho tất cả các quà tặng khi mua và mua cùng sản phẩm và được gán với một mã GTIN để tạo thuận lợi cho việc quét tại điểm bán hàng.

Sản phẩm tiếp thị là thương phẩm được chuyển từ nhà sản xuất đến sàn bán lẻ và không được coi là hàng tồn kho và không có giá trị bán lẻ (ví dụ trường hợp trưng bày cần được phân định nhưng không có giá trị bán lẻ). Mã GTIN PHẢI được cấp cho tất cả sản phẩm tiếp thị.

Điều 4.3.2.3 – Hướng dẫn cấp mã GTIN (*Guidelines for allocating the Global Trade Item Number (GTIN)*)

Xóa toàn bộ và đánh số lại các điều tiếp theo:

Điều 4.3.6.1 – Thực hành tốt nhất sắp xếp dữ liệu (*Data alignment best practice*)

Là Điều 4.3.4.1 cũ và Xóa bỏ 6 đoạn văn cuối cùng:

Xóa nội dung Điều 4.3.4.2 + 4.3.4.3 + 4.3.4.4 + 4.3.4.5 và các điều con

Xóa định nghĩa về gói không GTIN (non-GTIN packs)